

THÔNG BÁO

Kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 05-06/8/2025

Ngày 05-06/8/2025, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên thông báo kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài kỳ thi ngày 05-06/8/2025 (chi tiết xem tại địa chỉ: <http://civt.tnue.edu.vn/xem-diem-thi>).

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên chỉ nhận đơn đề nghị phúc khảo từ ngày 13/8/2025 đến hết ngày 20/8/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc) tại địa chỉ: Phòng 103 - Nhà A1 Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên.

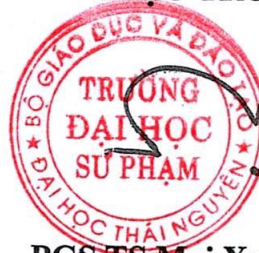
Lệ phí phúc khảo: 50.000 đồng/ 01 bài thi (chỉ nhận đơn và lệ phí trực tiếp theo địa chỉ trên).

Thông tin chi tiết xin liên hệ với bà Nguyễn Thị Thu Hằng theo số điện thoại: 0985.500.945 

Nơi nhận: 

- TT HTQT-ĐTTV (để th/h);
- Website trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT (2).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ

Thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 05-06/8/2025

(Kèm theo Thông báo số 1340 /TB-ĐHSP ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Điểm Nghe trên máy	Điểm nghe làm tròn theo thang điểm 10	Điểm Đọc trên máy	Điểm Đọc làm tròn theo thang điểm 10	Nói sau làm tròn	Viết sau làm tròn	Điểm TB sau làm tròn	Quy đổi năng lực
1.	253001	PE0386669	UNURBAYAR	DAGIJANCHIV	05/7/1990	Nữ	Mông Cổ	23.00	4.00	19.00	5.00	6.00	3.50	4.50	B1
2.	253002	AB1590191	CHIBURRE	HÉRCIO JASTICE	24/09/2001	Nam	Mô-dăm-bích	26.00	4.50	18.00	4.50	7.00	4.00	5.00	B1
3.	253003	P3013142	KAONHAHEUANG	LINSO	28/05/2004	Nữ	Lào	29.00	5.50	25.00	6.50	8.00	4.00	6.00	B2
4.	253004	PA0369065	LINXOMPHOU	NALONGKONE	20/12/2000	Nam	Lào	30.00	5.50	23.00	6.00	8.00	4.00	6.00	B2
5.	253005	P3090587	HOMMEXAI	NAMFON	16/09/2004	Nữ	Lào	25.00	4.50	29.00	7.50	7.50	5.50	6.50	B2
6.	253006	AB0827557	COSSA	NORDINO LISBOA	08/04/2001	Nam	Mô-dăm-bích	29.00	5.50	24.00	6.00	8.00	7.00	6.50	B2
7.	253007	P2964535	SIMMALAYVONG	PHINITH	30/03/2004	Nam	Lào	35.00	6.50	11.00	3.00	7.00	5.50	5.50	B1
8.	253008	P2916650	VONGSAVANG	PHINGKY	29/06/2007	Nữ	Lào	49.00	9.00	33.00	8.50	9.50	8.50	9.00	C2
9.	253009	P2821727	SOUTTHIPANYA	PHONEPASEUTH	08/08/2005	Nữ	Lào	29.00	5.50	22.00	5.50	8.00	5.00	6.00	B2
10.	253010	P2437580	SENGPATHOUMMANG	SOMBATH	02/05/2007	Nam	Lào	37.00	6.50	31.00	8.00	8.50	7.50	7.50	C1
11.	253011	PA0254650	SILIDAPHAN	SONESAVANH	07/02/2000	Nam	Lào	24.00	4.50	19.00	5.00	7.50	1.50	4.50	B1
12.	253012	P3105189	SEEPASEUTH	SOUDA	27/06/2003	Nữ	Lào	29.00	5.50	20.00	5.00	8.00	6.00	6.00	B2
13.	253013	P2951440	PHENGSI AROUN	SOUKPASEUTH	19/01/2007	Nam	Lào	25.00	4.50	26.00	6.50	8.00	5.50	6.00	B2
14.	253014	P2526040	NHOYSAYKHAM	SOULIDETH	17/04/2005	Nam	Lào	34.00	6.00	27.00	7.00	8.00	5.00	6.50	B2
15.	253015	P2939503	ONSY	SOULIYADET	05/08/1991	Nam	Lào	35.00	6.50	22.00	5.50	8.50	6.00	6.50	B2
16.	253016	P3148777	MOUNSENA	SOULIYO	04/04/2006	Nam	Lào	35.00	6.50	28.00	7.00	6.00	5.00	6.00	B2

Ấn định danh sách: 16 thí sinh./.

One Himey